

22 NĂM SAU.

EM ĐI QUA ĐỜI ANH KHÔNG NHỚ GÌ SAO EM?

(Tâm Bút)

(Mùa nghỉ hè Dalat 1997 với Âu Cơ).

Tại Phi Nôm, tâm thức bỗng dậy lên nỗi nhớ điên cuồng khung trời Dalat, tôi đáp xe lười về thành phố ngay.

Buổi chiều ở nhà anh, trời mưa thật lớn. Hai cô học trò cũ hay tin tôi về, tìm đến thăm. Tôi nghe Tùng kể:

“Em có nhiều người bạn, khi nhắc lại cô và anh Ngọc thường diễn tả: *‘Đó là một cặp nghệ sĩ rất đẹp đôi. Người đàn ông dáng cao gầy, đã đứng tuổi, và người con gái trông còn rất trẻ, tóc dài, đôi mắt to sâu, vẻ mỏng manh, hay mặc chiếc manteau màu gạch.’*”

Tùng thêm:

“Màu áo của cô đã làm thành ấn tượng cho rất nhiều người tại Dalat.”

Tôi gật:

“Hôm qua Mỹ Vân cũng nói như thế với cô”.

Câu chuyện tình yêu trong các tác phẩm của tôi được gọi lại như một đề tài đặc biệt. Lệ Hà tỏ ra e thẹn:

“Từ lâu, vợ chồng em có đọc quyển *Một Truyện Dài Không Có Tên*, anh Ngọc cho mượn. Nay tác giả đang hiện diện, có thể cho phép em được hỏi vài câu?”

Tôi cười:

“Em cứ tự nhiên.”

Lệ Hà:

“Đọc sách cô, biết cô được nhiều người đàn ông yêu quý, và trong hai tập *Nhật Nguyệt*, tình yêu vẫn là chủ đề tác phẩm. Vậy xin cô cho biết quan niệm thế nào về tình yêu?”

Tôi đáp:

“Với cô, những mối tình trong đời một người ví như những con số trước, sau đi vào định mệnh. Khi ở vào lớp tuổi hai mươi, nếu hỏi rằng thế nào là mối tình lớn, cô hay trả lời: *Mối tình lớn là mối tình của ngay thời điểm xảy ra*. Nhưng phải đợi đến ngàn này tuổi, kinh qua rất nhiều sóng gió tình trường, cô mới có thể nhận thức được điều rằng, *số một không phải là số mười, mối tình lớn không dễ gì nhiều lần ta bắt gặp.*”

Hai người học trò gật đầu, im lặng.

Riêng anh, khuôn mặt rũ xuống trong một nỗi buồn.

Tôi tiếp:

“Trên con đường tình yêu, mỗi tình lớn được ví như một cánh hồng rực thắm nhưng đầy gai nhọn. Cái đẹp làm ngây ngất cho những ai sở hữu nó, nhưng lớp gai nhọn cũng dễ dàng khiến sưng tay chảy máu ngay chính vị chủ nhân. Với mỗi tình lớn, có khi cuộc đời con người bị vận chuyển cuốn lôi hẳn vào trong niềm hạnh phúc cao độ lẫn cả nỗi ê chề đau đớn.”

Tùng đưa ra câu hỏi:

“Có phải cô đã từng gặp đúng mỗi tình lớn ấy?”

Tôi nhả khói thuốc lên trần nhà:

“Không chỉ một mà là *nhiều lần* trong định mệnh. Đặc biệt là hai mối tình với khoảng thời gian 12 năm cách xa đằng đẵng: Hai mươi năm xưa với anh Phùng Kim Ngọc và mười năm trước với anh Trần Nghi Hoàng.”

Anh dăm dăm nhìn tôi. Tôi cũng không tránh cái nhìn trả lại:

“Nhưng đến lúc này thì cô mới có thể nhận thức được một điều vô cùng quan trọng: *‘Tất cả* những người đàn ông đi qua đời cô, chẳng ai đủ tài nắm giữ thật sự trái tim cô’.”

Trời chiều ngậm ngùi màu xám. Mưa đã ngưng. Khí lạnh lan nhanh trong căn phòng ẩm.

Lệ Hà hỏi:

“Trong mỗi tình ngày xưa với anh Ngọc, tại sao cô bỏ ra đi?”

Tôi đáp:

“Bỏ ra đi vì đã đến lúc không còn có thể ở lại. Hết thấy mọi điều trong việc *‘muốn ở lại’*, cô đều đã cố gắng nhưng vô ích. Đó là định mệnh.”

Lệ Hà hỏi tiếp:

“Và trong mỗi tình với anh Trần Nghi Hoàng, không phải cô mà là anh Trần Nghi Hoàng bỏ ra đi; cô thấy có điểm nào trùng giống với mỗi tình của hai mươi năm trước?”

Tôi đáp:

“Không trùng giống ở chiều sâu diễn biến, nhưng cùng có chung một điểm: *Sự đau khổ rất cao trong tâm hồn cô*, dù ngày sau cô là kẻ ở lại hay ngày xưa cô là kẻ bỏ đi. Đó cũng là định mệnh. Cô không làm gì được để chuyển thay định mệnh. Tuy nhiên phải nói rằng, trong cả hai lần tan vỡ trước--sau, có một điểm quan trọng xảy ra mà cô nhận biết: *‘Cô luôn luôn tiếc nuối cái Đẹp đã mất, nhưng sự già yếu và không chiếm cứ trái tim.’*”

Tùng thắc mắc:

“Sau khi rời Dalat, cảm nghĩ cô thế nào?”

Lệ Hà chen ngang:

“Cả sau khi anh Trần Nghi Hoàng bỏ đi?”

Tôi bồi hồi:

“Dẫu nhận thức rõ một điều không bao giờ giòng thời gian còn quay ngược lại, nhưng phải nói rằng cô vẫn luôn luôn đau đớn...”

Tùng cất ngang lời tôi:

“Xin cô giải thích hai cụm từ ‘*không giày vò*’ ở câu trên và ‘*luôn đau đớn*’ ở câu dưới.”

Tôi gật :

“Đúng! Cô không nghe giày vò bởi những gì muốn làm để níu được hiện tại khi ấy, cô đều đã tận lực mà vẫn không toai ý. Điều này thuộc về khối óc. Nhưng trái tim không phải là khối óc. Làm sao cô không nghe đau đớn khi vết thương từ trái tim vẫn chưa đủ thời gian làm cho lành lặn hẳn?

Ngừng một lát, tôi tiếp

“Tuy nhiên phải nhận, trong hai mỗi tan vỡ, có một điều chà nát tâm hồn cô nhiều nhất: ***‘Cái đam mê âm nhạc và văn chương, cô không bao giờ có thể đạt tới đỉnh cao như trong hai khoảng thời gian khác nhau với cả hai người đàn ông’***.”

[Tháng 8/1976, tôi trở lại Dalat. Trong một cuộc họp mặt, tôi được một người bạn gái kể: *‘Một lần nhận định về cái tài hoa của chị, anh Ngọc có bảo bọn em: Tôi tin chắc sau tôi, chẳng bắt cứ ai có thể đưa tiếng đàn Thu Vân lên cao hơn nữa.’* Nghe câu ấy, tôi thấy như bị tổn thương dữ dội, trả lời người bạn: *“Anh Ngọc kiêu ngạo quá! Chị sẽ chứng minh ngược lại điều này.”* Nhưng rồi ngày một ngày hai, thời gian trôi đi, làm việc chung với vài tay *pianiste* khác, có những người rất nổi tiếng, tôi phải nhận lời anh là đúng.

Và bây giờ, hơn một năm xa cách Trần Nghi Hoàng, tôi không cảm nổi cây viết một cách thông dong như thời gian cũ, những giòng chữ không còn tuôn trào dễ dàng ra đầu bút. Tôi tưởng không có Trần Nghi Hoàng, tôi vẫn không đánh mất đi cái đam mê viết lách... Nào dè, điều ấy sai. Và chứng thực rõ ràng là cuộc “chạy trốn” ngày hôm nay trong một ***chuyến đi xa một mình*** với Âu Cơ.]

Lệ Hà chận ngang:

“Xin lỗi cô, em không hiểu rõ ý nghĩa.”

Tôi đáp:

“Trên mặt tài nghệ, cô và người bạn nào đó có thể hòa hợp nhau ngay từ lần đầu gặp gỡ, nhưng với hai người đàn ông của cô không chỉ như thế. Tình yêu vẫn là mối giềng cho đam mê tìm kiếm, và chính điều này đã tạo nên sự tuyệt diệu cho những gì cô đạt được trong âm nhạc ngày trước và văn chương ngày sau.”

[Thời gian sau khi bỏ Dalat, kể từ tháng 11/1975, tôi theo đoàn cải lương Sài Gòn I lưu diễn khắp VN. Trong những lần

xa nhà, đến các vùng quê heo lánh, nhiều đêm từ rạp hát trở về phòng trọ, hay nhiều lần say ngất trong các cuộc rượu khuya với bè bạn, tôi mới ngấm lời anh Ngọc nói cùng người bạn là đúng.

Hơn một năm qua, tháng 11/1996, Trần Nghi Hoàng lại bỏ ra đi lần nữa. Lắm khi ngẫm nghĩ, tôi đâm tức cười vì một thứ xoay vần không sai của định mệnh sau hai mươi một năm đàng đẵng. Cánh cửa tâm hồn từ đây đóng chặt. Cây bút buông chim trong ngăn tủ. Nhiều phen tôi thấy thật cay đắng cho tiếng đàn mình và cho cả những giòng văn chương tôi đã viết. Và có đôi lần tự nhủ như một niềm an ủi: “Kiếp này thôi đã lỡ, đành chờ tái tạo mọi thứ ở kiếp sau.”]

Anh cúi đầu:

“Anh xin lỗi em! Anh thật hối tiếc những gì đã làm ra đạo ấy trên em.”

Tôi cười khanh khách qua cốc rượu:

“Tất cả chỉ là định mệnh!”

[Hai mươi năm xưa, một sáng tháng 10/1976, Lâm Đồng, vợ cũ ca sĩ Duy Quang, vừa là bạn, vừa học trò, đến học *violon*, nói ngay với tôi: “*Anh Ngọc xin hẹn gặp chị lúc 9 giờ.*” Thật sự tôi ngạc nhiên vì cái tên *Ngọc* sao vô cùng xa lạ. Sau đó là cả một trời đau đớn cũ đổ ập trong tim. Không bao giờ tôi dám nghĩ rằng anh còn quay lại nên phản ứng thật là chậm chạp so với cái tình mãnh liệt vẫn giày vò trái tim khắc khoải.

Lâm Đồng nói thêm: “*Anh Ngọc cũng xin em bố trí cho gặp chị tại một nơi nào có cái piano.*”

Vậy là đêm đó, cả hai hòa nhạc với nhau ở một quán café trước đông đảo một đám bạn cũ. Đôi lần anh đàn rót vài câu. Khi xuống bàn, tôi điều: “*Chuyện lạ quá! Té ra cũng có khi anh đàn rót!*” Anh nghiêm trang đáp: “*Anh không đàn rót đâu mà phải nói rằng, có lúc đang đàn, anh chợt ngân ngơ tự hỏi: Con người này, tiếng đàn này, có sao không còn là của mình nữa? Cái tâm trạng thật buồn theo ý nghĩ: Chỉ có em là người diễn tả đúng ý nhất những bản nhạc anh đã viết ra đạo trước cho em’, rồi nhận thức hiện tại, anh như kẻ mất hồn nên quên hẳn phần đàn của mình.*”

Hai mươi năm sau, vai trò người diễn viên trên cái sân khấu đời ngày xưa vẫn không thay đổi. Định mệnh lần nữa đem đến điều tan vỡ. Sự chia xa chẳng những chỉ khiến một mình tôi, mà cả Trần Nghi Hoàng cũng rơi vào cái hố sâu mất mát. Các bản văn tôi viết không còn hào hứng. Các bài thơ Trần Nghi Hoàng làm ra cũng hết đi rất nhiều xúc cảm thiết tha. Điều này, đôi khi suy ngẫm, tôi tự cảm nghe bất lực trước một sức

mạnh vượt xa hơn cả khả năng tôi và Trần Nghi Hoàng có thể cùng nhau chống đỡ: Bàn tay Định Mệnh mở ra, có tôi và Trần Nghi Hoàng đang bị giam cầm trên đó; con đường thoát càng loay hoay kiếm tìm trong tuyệt vọng bao nhiêu thì nắm ngón của nó càng phủ trùm co siết bấy nhiêu.]

Anh đột nhiên lên tiếng:

“Một lần năm 1976, gặp lại nhau ở Dalat, em có nói với anh: ‘*Bây giờ chúng mình đã bước tách đi trên hai con đường riêng biệt, nhưng em vẫn xin nhân danh âm nhạc và mối tình mình đem cho nhau đạo trước mà bảo rằng, bao giờ anh rơi xuống tận cùng đau khổ thì hãy nghĩ đến em. Khi ấy nếu có thể làm gì được cho anh, em xin tận lực.*’”

Tôi lặng người, cúi đầu nói nhẹ:

“Em cảm ơn anh vẫn còn nhớ những gì từ lâu lắm đã bị thời gian làm cho vùi lấp...”

Anh ngắt ngang lời tôi:

“*Kể từ đó, dẫu không bao giờ dám làm phiền đến em nhưng bất cứ lúc nào anh rơi xuống tận cùng đời sống thì y hết một phép lạ, em đều có mặt tại Dalat để nhận biết ra nỗi đau khổ của anh.* Như lần tháng 8/1982 em lên Dalat cùng gia đình mẹ, như lần tháng 1/1993 em trở về Dalat với Âu Cơ và anh Trần Nghi Hoàng.”

Anh ngừng một nháy, xong giọng nhỏ hẳn:

“Và như lần này.”

Khuôn mặt anh lộ vẻ u hoài:

“Dẫu em nói gì chẳng nữa, anh vẫn mang một mặc cảm có tội với em trong chuyện tan vỡ giữa em và anh Trần Nghi Hoàng. Cái đêm trong tháng 1/1993, giá anh đừng gặp em! Hay giá anh đừng nói ra với em những gì đè nặng lòng anh từ nhiều năm trước thì bây giờ em đâu có khổ...”

Tôi lắc đầu:

“Anh đừng nói vậy.”

Đôi mắt anh hằn nét sôi nổi:

“Không! Xin cho anh nói. Hai mươi hai năm trước đến trong đời em, anh chỉ mang cho em mọi niềm đau đớn. Mười tám năm sau, em trở về Dalat với một hạnh phúc trong tay, anh cũng chỉ tạo ra cho em đau khổ muộn phiền. Bây giờ, năm năm trôi đi kể từ lần cuối, gặp lại em, tâm hồn bị thương trầm trọng, anh cũng không sẻ chia gì được. Những ngày vừa qua em hiện diện ở Dalat, anh chỉ quanh quẩn với ý nghĩ làm sao đem cho em chút nhỏ niềm vui, vậy mà cũng không xong.”

Tôi cúi đầu nhìn cốc rượu, nghe anh tiếp:

“So với anh, khối óc anh Trần Nghi Hoàng còn cao hơn một bậc. Điềm hơn này chứng tỏ bằng bảy năm giữ nổi em, cả trong tâm hồn lẫn trên bước chân phiêu bạt. Nhưng có một điều anh vô cùng tiếc cho anh ấy...”

Giọng anh đăm ngàn ngại, nói chậm từng chữ:

“Anh e sau này anh Trần Nghi Hoàng cũng sẽ phải đi đúng vào bước giầy vò hối hận của anh hai mươi năm xưa. Anh sợ rằng không bao giờ anh ấy còn yên ổn tâm tư như anh từng bị.”

Tôi buồn bã:

“Em thì nghĩ ngược lại. Ra khỏi đời em, Trần Nghi Hoàng sẽ tìm thấy bình an thật sự. Đó là lời Trần Nghi Hoàng vẫn nói. Và đó cũng là điều em suy ngẫm bấy lâu. Bỏ xứ Mỹ về VN lần này, phải nói rằng em hành xử gần như vô thức. Một kiểu chạy trốn những nỗi khổ đau ghê gớm trong lòng một cách vội vã. Trong một tháng qua nằm ở Nha Trang, những ngày dài trên biển, em suy xét rất kỹ lòng mình. Em biết em vẫn còn yêu biển cả, núi đồi, yêu những con tàu, những bến bờ xa lạ, yêu cả nỗi Cô Đơn riêng. Đó là những đam mê ăn sâu vào người em từ khi còn bé. Vậy mà trong bảy năm chung sống với Trần Nghi Hoàng, em tự ý dim chết tất cả. Em chọn sự dửng dưng, cố gắng vun bồi cho đời mình một sự ổn định, nhưng mãi vẫn không làm được.”

Hai cô học trò cúi đầu, xúc động. Còn anh thì như uống từng lời nói từ đôi môi tôi.

Tôi cười:

“Có điều em cần phải thú nhận với anh: ‘Một tháng nằm ở Nha Trang, chưa một lần em có ý muốn tìm về Dalat.’ Em biết rằng với sự chạy trốn của mình, Dalat chỉ càng làm loang lổ cho em vết thương lòng khôn khổ. Em không muốn để anh nhìn thấy sự đau khổ của em. Cũng không hiểu tại sao lại làm thế? Có lẽ vì bản chất em kiêu hãnh quá, giống như anh từng nói. Em không muốn nhận sự thương hại của anh trước những nát tan đang xảy đến hiện nay.”

Anh kêu lên:

“Anh không dám thương hại, mà phải nói rằng anh kính trọng những nỗi khổ đau triền miên trong đời em gặp phải.”

Tôi gật:

“Cảm ơn anh đã nói như thế. Em định không bao giờ còn quay lại Dalat, không muốn xáo trộn thêm trong cuộc sống anh những đồ vỡ càng nhiều hơn nữa. Nhưng rồi không biết tại sao vẫn có mặt nơi này. Có lẽ vì câu nói của anh hôm xuống Nha Trang tìm em, là nguyên nhân cho em ngẫm suy đặc biệt:

‘Hai mươi năm xưa vì lý do này khác, anh đã ngu xuẩn để mắt đi một tình yêu tuyệt mỹ. Nhưng hai mươi năm sau, chẳng bất cứ mãnh lực nào trên đời, cho dù cái chết kẻ cổ, có thể khiến anh đánh rơi một tình bạn từ em. Em đã bỏ nửa vòng trái đất về đây tìm quên đau khổ, có lý nào anh lại chẳng dám nhân danh tình bạn cao quý mà đón tiếp em?’”

Tôi nghe thật ngậm ngùi trong tâm tư, uống cạn ly rượu của mình, nói tiếp:

“Đó là nỗi an ủi vô giá cho em trong những thống khổ hiện nay. Những ngày Nha Trang, nghĩ suy mãi những lời anh nói, *em nhận ra một điều quan trọng ghê gớm rằng em chỉ có thể tìm thấy hạnh phúc trong tình bạn*, những người bạn chân thành hiếm hoi như em đang tìm thấy được từ anh và những người bạn Dalat hiện tại. Em cũng nghĩ điều này rất nhiều về Trần Nghi Hoàng. Trong 7 năm em từng đóng vai người vợ, nhưng trên hết còn là một người bạn thiết của Trần Nghi Hoàng. Hơn một năm qua đối diện thật sự với nỗi nát tan đôi lứa, chỉ tình bạn này mới là điểm lớn nhất giữ con người em trong điều níu kéo mà thôi. Bây giờ mọi thứ đều tan hoang. Em đâu có ra đi khỏi đời Trần Nghi Hoàng thì em biết trong em, tình bạn dành cho Trần Nghi Hoàng sẽ vẫn không chết được.”

Tùng lên tiếng:

“Ngày xưa còn bé học với cô, thấy cô rất đáng yêu, cả bọn đùa nào cũng yêu cô, nhưng em không ngờ cuộc đời cô sóng gió đến vậy.”

Tôi đáp lời Tùng:

“Trong tình yêu lẫn cả trong tình bạn và đủ mọi thứ tình trong cuộc sống, cô luôn chủ trương xử đúng với câu cô đã tự đề ra như một phương châm: *‘Con đường nào ta đi vào thì cũng sẽ đi ra bằng con đường ấy.’* Hai mươi hai năm xưa đi vào đời anh Ngọc hay tám năm qua đi vào đời anh Trần Nghi Hoàng, cô bước trên con đường tình cảm đẹp đẽ, thì *khi đi ra, đâu ê chề đau đớn, cô vẫn không cho phép chút thù hận nào nuôi dưỡng trong tim.*”

Anh kêu lên:

“Ấy là *cái chất* của em, không phải người đàn bà nào cũng có. Nhưng em hãy nhớ rằng, lấy từ chính kinh nghiệm bản thân anh mà nói, những người đàn ông trong đời em sẽ không bao giờ quên nỗi em sau khi đã mất em.”

*

* *

Buổi chiều xuống nhanh. Ngoài trời, mưa rơi trở lại. Những hạt mưa mùa hạ tuôn tràn như trút nước.

Ngồi nhìn ra sân, cả một vùng núi đồi đắm chìm trong màn mưa trắng xóa, tôi bật la lớn:

“A! Đây mới đúng là *Dalat của em!* Em yêu nó quá! Trong suốt 11 năm trên đất Mỹ, không bao giờ em tìm thấy được cái cảm giác rung động như hiện tại theo một không gian thế này. Tại sao em không tìm về với nó? Con người em sinh ra đâu phải để chạy theo một đời sống vật chất như mười một năm qua em đã quay cuồng trên đất Mỹ? Bản tính em nào phải như thế?”

Tôi nhìn thấy nét sững sốt trên hai người học trò cũ và cả trên anh, nên cười thành tiếng:

“Em là đứa phiêu bạt giang hồ mà! Anh đã từng nói lên điều ấy. Chỉ Dalat mới là nơi dung dưỡng được cái tâm hồn lênh lạc bất thường của em!”

Khi bàn về câu chuyện “*có hay không nên*” lập gia đình với một người nghệ sĩ, tôi đưa ra nhận định:

“Một điều chân thành cô sẽ không ngần ngại nói với bất cứ ai rằng chẳng bao giờ nên lập gia đình với một người nghệ sĩ. Tâm hồn người nghệ sĩ bẽ bàng như mây trôi, gió thoảng, mình dính vào, chỉ có nước khổ vì những chịu đựng!”

Tùng hỏi:

“Nhưng nếu cả hai đều là nghệ sĩ?”

Tôi cười:

“Thì lại càng mau chết! Tuy nhiên cô phải thêm, nhiều khi sánh với những trường hợp so le khác, nhờ vào tài năng của cả hai mà điều đau khổ có thể ít xảy ra hơn.”

Anh nhìn tôi, về ý nhị:

“Đôi khi có tài thật sự cũng không nín nổi bước chân người nghệ sĩ! Vì vậy mới có trường hợp một người nghệ sĩ bỏ Dalat ra đi hai mươi hai năm xưa.”

Anh tiếp trong cái cười nhạt:

“Và khi người nghệ sĩ đã bỏ đi thì đâu có đánh đổi điều gì cũng không mong một lần có được trở lại.”

Trái tim tôi bỗng bất ngờ bóp thắt.

*

**

[Có một câu chuyện cần ghi vào đây:

Lúc 6 giờ chiều, mọi người đang ngồi quanh bàn rượu, bỗng có một đứa nhỏ độ 5 tuổi từ ngoài cửa bước vào đến cạnh anh, nói:

"Mẹ biểu ba ra khiêng đồ cho mẹ."

Anh đứng lên, vẻ buồn rầu sâu kín.

(Vài ngày trước xuống Nha Trang bằng vespa một mình, anh có kể cho chị Kiều nghe về những nỗi khổ riêng theo một cô vợ bị bệnh tâm thần. Khi ấy giọng điệu anh cay đắng vô cùng. Và nói:

"Nghe tin Thu Vân từ Mỹ về VN, bà ấy buộc tôi phải chia đôi tài sản, rồi ẵm con bé về Bảo Lộc với gia đình bà. Tôi tưởng là thoát nên bằng lòng để bà lấy đi cây đàn tốt nhất của tôi.")

Hóa ra cô vợ thứ nhì của anh đang trở lại Dalat. Tất cả mọi người đều chung hứng theo sự kiện mới mẻ này. Riêng tôi tự dưng cảm thấy buồn cho anh và cả cho tôi khi "lại" bị đặt vào cái thế bẽ bàng chiều nay.

Lúc đó, Hiệp, đứa con trai anh, đâm nổi giận. Hấn bước vào phòng người đàn bà, nói lớn tiếng:

"Cô đã ẵm con và rinh luôn cây đàn của bố tôi đi, còn về đây làm gì nữa? Có phải muốn phá đám không cho bố tôi gặp lại cô Thu Vân?"

Thế là cuộc gây gổ bố con xảy ra ngay giữa bàn rượu. Giọng cứng rắn, anh nói to lên:

"Bây giờ, mấy chục năm sau, bố mới nói cho con rõ mọi điều. Năm xưa, sau khi mẹ con đốt nhà với ý định giết cả chồng con, bà đã bị đưa vào tù. Đó là cơ hội tốt cho bố thoát khỏi tay một người hung dữ như mẹ con. Nhưng vì nghĩ đến các con còn nhỏ dại mà bố nén lòng cam chịu, ra tòa ký giấy xin tha cho bà. Năm xưa đã không nở để các con mất mẹ, tại sao năm nay con lại nở để bé Nga mất mẹ?"

Thế là tôi được hiểu sâu hơn về "cái tủy thương con" mà bà Lan đã nắm suốt mấy chục năm trên con người anh. Bất thần nghe lòng thật ngậm ngùi không ít cho cái quyết định bỏ đi khỏi Dalat năm xưa của mình...]

*

* *

Lúc 7 giờ tối, Tùng bảo:

"Em và Lệ Hà rủ nhau đến thăm và mời cô đi chơi. Đêm nay em xin phép đưa cô và bé Âu Cơ đến nhà em ngủ."

Tôi ngược nhìn anh, bật lên câu nói:

"Không, đêm nay cô sẽ bay về Nha Trang trên chuyến xe đò lúc 3 giờ sáng."

Ngừng một chút, tôi thêm:

"Bất ngờ sao máu giang hồ nổi dậy để cô chỉ muốn ra đi! Nhưng có lẽ cô không trở về Dalat nữa."

Khuôn mặt anh bỗng thấy ngập tràn tuyệt vọng.

Anh nói nhỏ:

"Em vẫn không thay đổi. Từ ngày xưa cho tới ngày nay, anh không bao giờ có thể lường trước được phản ứng của em một giây sau đó. Khi anh tưởng rằng có em thì chính lại là lúc em biến nhanh như một ảo ảnh..."

Và anh đắm ngập ngừng:

"Như kỷ niệm ở Thủy Tạ dạo tháng 8/1976..."

Tôi cúi đầu :

"Đúng. Kỷ niệm của tháng 8/1976 em vẫn chưa quên. Nhưng từ khi ấy cho đến giữa năm 82, em mới trở lại Dalat, vết thương tâm hồn gần như lành hẳn, em *không hề mang ý nghĩ muốn gặp lại anh lần nữa*. Thế mà khi anh Tiên nhìn thấy em trong quán *café* khách sạn Dalat, vội đi báo anh hay. Và anh đã tìm đến, để rồi đêm ấy, tại nhà anh Thực, anh đàn cho em nghe. Chỉ một đêm thôi nhưng đã đủ thời gian cho mình nói hết với nhau những điều đáng nói. Sáng sớm hôm sau em lại bỏ ra đi... Lần thứ hai quay lại Dalat với một tâm hồn đã hoàn toàn quên lãng, tháng 1/1993, em cũng không hề có ý muốn tìm anh. Vậy mà như một định mệnh, Trần Nghi Hoàng buộc em phải

gặp. Mọi nỗi tan hoang khởi đi từ đó. *Cái giá đánh đổi của em quá tình to tát.* Nhưng em nghĩ, mọi thứ đều đã được sắp bày dưới bàn tay Định Mệnh. Em không có gì hối tiếc. Trần Nghi Hoàng, anh và luôn cả em, chẳng ai có lỗi gì trong điều ấy. Ba chúng mình đều chỉ là nạn nhân trong cuộc chơi định mệnh tiếp nối nhau trong hai mươi năm mà chẳng ai hiểu rõ luật chơi.”

Nét mặt anh hiển nhiên đau đớn:

“Cảm ơn em đã nói lên những điều như vậy.”

Tôi đưa cao cốc rượu:

“Nào, chúng mình uống! Khuya hôm nay em cũng lại bỏ đi, nhưng với một trái tim thanh thản, khác hẳn ba lần đi em vừa kể. Những gì cần nói với anh, em đã nói ra được. Giờ đây giữa anh và em chỉ còn một tình bạn chân thật, thứ tình vĩnh cửu không bất cứ điều gì có thể làm cho tan biến. *Cái chung cuộc* của một tình yêu đã có, nhưng đó cũng là *sự khởi đầu* cho một tình cảm khác. Anh không còn sợ phải mất em. Em đã bỏ ra đi vì một tình yêu, nhưng em đang trở về cho một tình bạn. Và em sẽ còn trở về nữa một ngày kia...”

Tôi nghĩ nhanh đến Trần Nghi Hoàng, nghe trong tim dậy lên một niềm nhói buốt. Thời gian còn ở Mỹ, tháng 4/1997, nhiều đêm đi lui đi tới trong căn phòng sách, các điều thuốc được đốt lên liên tục, tôi đã ngẫm suy lòng mình rất kỹ. Một sự thật bày ra như một cái cười mỉa mai của Định Mệnh: người đàn ông nắm giữ được bước chân tôi hơn hết trong thời gian qua vẫn chỉ là Trần Nghi Hoàng. Trần Nghi Hoàng của tám năm chồng vợ trên một đứa con chung và cũng Trần Nghi Hoàng của một mối duyên văn chương gắn bó. Vậy mà cả tôi lẫn Trần Nghi Hoàng đều kiêu hãnh quá đậm thành mù quáng nên chẳng ai nhìn rõ điều ấy. Sự tan vỡ tất nhiên phải đến, khởi nguồn từ những kiêu hãnh thế này mà ra.

Và đêm nay, giữa vòm trời Dalat, giữa vũng kỷ niệm đang được khơi dậy, ngồi nhìn cái dáng gầy của anh, tôi đã se lòng không ít. Tự sâu thẳm trái tim, tôi biết rằng mình vẫn thương muôn đời những điều đã trải. Thương anh với những khổ đau anh đang còn hứng chịu trong cuộc sống. Thương một con người không còn giữ trong tay cái tài hoa năm xưa. Nhưng, có lẽ chỉ anh thôi (mà không phải Trần Nghi Hoàng) biết rõ rằng một góc tim tôi dành cho anh đã không còn nhiều hơi ấm. Tấm tình tôi đã cạn đi thật rồi theo với tháng năm.

Tôi cười, nhìn theo vòng tròn khói thuốc từ đôi môi tôi vừa nhả:

“Giờ đây máu giang hồ nổi dậy, em chỉ muốn được ra đi. Điều quan trọng là em cần phải lấy lại cây đàn của dì em, hôm trước đem theo từ Nha Trang, anh Tiên đang giữ để *retoucher* giùm. Xin anh làm cho em việc đó.”

Thế là anh đứng lên, điện thoại ngay cho anh Triệu Trung Tiên.

Tùng lập lại câu mời. Tôi hỏi anh:

“Anh muốn em đi theo Tùng và Lê Hà, hay anh muốn em ngồi lại đến 8 giờ, đợi anh Tiên đem cây đàn tới?”

Tức thì anh bật đáp:

“Anh rất tha thiết muốn em ngồi lại đây.”

Trong đôi mắt anh, tôi đọc rõ niềm khao khát.

Từ anh, có điều cảm động tôi nhận thức được là anh dường như mang mặc cảm “một mình anh” không khiến tôi vui nổi, nên đã điện thoại cho những người bạn, những học trò riêng mời đến chơi mỗi khi tôi có mặt tại nhà anh. Với ai, anh cũng cùng luận điệu: “*Thu Vân đang buồn, mình đến thăm cho Thu Vân vui*”.

Và cũng một điều cảm động khác tôi ghi nhận trong những ngày Dalat, đặc biệt đêm nay: “*Sự vắng mặt của tôi vẫn còn lưu lại một tình cảm thiết tha trong tim những người bạn cũ*”. Tôi không nghĩ mình lại được bạn hữu yêu như thế! Khi nghe tin tôi về Dalat, rất nhiều người tìm đến với tôi. Luôn những đứa con anh. Và cả người đàn bà năm cũ. Thêm những người bạn mới chỉ biết tôi qua văn chương hay các lời anh kể. Điều này phải gọi là ấm áp. Cuộc sống ở Mỹ của tôi bị gò bó trong cái vòng đồ kỹ làm nảy sinh sự cô đơn trong tim tôi từ nhiều năm trước. Cú cô đơn ghê gớm tôi đón nhận gần nhất thật sự đưa đến từ sự tan vỡ đời sống với Trần Nghi Hoàng. Tôi đâm sợ mọi người, mọi thứ trên đất Mỹ. Tôi bỏ một nơi để chạy tìm về một nơi. Và tại nơi này, Dalat của một thời tuổi trẻ, tôi được đón chào ấm áp trong tấm tình trân trọng của tất cả những người bạn xưa.

[Một buổi chiều, ngồi ở quán *café* Nghệ Sĩ với anh, Âu Cơ, Quang, Mỹ Vân, anh Tiên và Quảng, tôi bỗng thấy Giang Văn Nhã bước vào, dáng lưng lửng. Đôi mắt Nhã sáng lên khi ngồi xuống cạnh tôi, và nói: “*Hai mươi mấy năm rồi, không ngờ vẫn còn có ngày được gặp Thu Vân!*”

Tôi nhìn Nhã, lòng thật nhiều cảm động. Cái vẻ anh trầm trầm u uất. Khuôn mặt thanh tú hần đây nét khắc khổ. Nhã là một tay tạc tượng tài hoa, bạn với tôi từ khi tôi 23 tuổi. Tôi đã được nghe về hoàn cảnh khó khăn hiện tại của Nhã, không tin rằng với nổi kiêu hãnh riêng mà tôi từng rõ, anh có thể dễ dàng tìm đến gặp một người bạn xưa đang ở trong hoàn cảnh “khác hẳn” với anh như buổi nay!

Mỹ Vân kể: “*Em đến thăm anh Nhã, nói: ‘Cô Thu Vân đang ở quán Nghệ Sĩ, muốn gặp anh.’ Thế là anh ấy bảo em: ‘Nói với Thu Vân, mười phút nữa tôi có mặt’. Và cô có biết, lần anh Trần Quảng Nam về Dalat, đưa giấy nhờ một người đem đến anh Nhã, mời ra gặp, anh Nhã trả lời: ‘Tôi không biết Trần Quảng Nam là ai!’*”

Cũng ngay buổi xế chiều đó, Nhã đề nghị tặng tôi cây đàn *guitare* do chính tay anh làm ra. Cây đàn rất đẹp, âm thanh thật ấm, trong khi gia cảnh Nhã cực kỳ nghèo khổ. Tôi không dám nhận, lấy cớ rằng mình không phải là một tay *guitariste*. Nhã trông có vẻ bị tổn thương vì lời từ chối. Tuy nhiên khi tôi hỏi: “*Trần Quảng Nam là một guitariste. Lần hẳn về đây, anh có ý định tặng cho hẳn cây đàn ấy không?*” Nhã lắc đầu mạnh mẽ: “*Không!*” Tức thì tôi la lên: “*Vậy Thu Vân xin nhận và tự nguyện sẽ trở thành guitariste một ngày kia. Lần sau về Dalat, sẽ đem đàn về tấu cho anh nghe.*”]

Đêm nay cũng thế, anh Tiên, rồi Dũng, rồi Tuất và Hiệp lần lượt tìm đến. Tất cả tạo thành một vòng tròn quanh tôi. Trong chu vi tình cảm của họ, tôi thấy mình an ổn, mọi đau khổ cô đơn trên xứ Mỹ bị đẩy trôi đi hết. Tôi nghe anh nói giữa bàn rượu:

“Chúng mình đồng ý với nhau một điều này nhé: Minh sẽ cùng ngồi đây uống rượu cho đến ba giờ sáng tiễn Thu Vân và Âu Cơ đi Nha Trang. Xe đò các thứ, tôi đã điện thoại giữ chỗ hết rồi, họ sẽ đến đây đón.”

Tới một lúc, anh Tiên mở hộp đàn, lấy cây *violon* đưa tôi. Trời đêm lạnh lẽo nhưng tâm tư tôi như đường thật ấm. Tôi vừa so dây vừa hát:

*“Em đi qua đời anh
Không nhớ gì sao em?”*

Những âm thanh vang lên thốn thức trong tiếng mưa đang trở thành dồn dập. Không gian tĩnh mịch, con người bất động, tiếng đàn và tiếng mưa nghe càng thêm hòa hợp.

Anh ngồi cúi đầu, một tay chống vào trán, điệu lẳng trầm suy ngẫm và không tỏ ra chút nào sự muốn ngồi vào đàn đệm cho tôi.

Khi Hiệp lên tiếng:

“Từ lâu, con biết bố vẫn thềm đàn với cô Thu Vân, tại sao bây giờ lại ngồi im như thế?”

Thêm đôi lần với lời yêu cầu của những người bạn, anh mới đứng lên, ngồi vào *keyboard*. Trong dáng cách anh có điều uể oải. Tôi ngạc nhiên với sự kiện này. Trên hết, phải nhận, tiếng đàn anh kém hẳn so với kỳ tôi về Dalat tháng 1/1993 năm xưa.

[Nhớ lại buổi chiều ở nhà Mỹ Vân hai ngày qua, khi tôi hỏi anh: “*Anh chính thức không còn chơi piano nữa là từ năm nào?*” Anh đáp ngay: “1977”. Tôi kêu lên: “*Lâu thế cơ à? Anh nói thật?*” Anh gạt đầu, dáng chịu đựng: “*Thật!*” Đêm thứ bảy vừa rồi ở Thủy Tạ, tiếng *piano* của anh rõ ràng sa sút; nhưng đêm nay, qua tiếng *keyboard*, điều này càng chứng thực mạnh hơn.]

Khi tôi đàn Tango *Blue Skies*, anh đệm theo, nhưng không thể nào nhớ nổi câu nhạc, cứ mãi trật lên trật xuống. Mười ngón tay anh loay hoay trên hàng phím trắng, đôi mày nhíu lại, khóe miệng hơi mím nụ cười ngượng ngập. Từ cái dáng gầy đang cúi vào *keyboard* kia, tôi nhìn ra một sự cố gắng chiến đấu với một điều gì đó. Trông anh như vừa muốn làm vui lòng tôi, lại cũng vừa biết chính anh đang thất bại trong điều muốn ấy. Thật sự, tôi không ngờ điều đó. Không tưởng được có một ngày cái tài hoa nơi anh gần như biến mất cả đi.

Tôi nghe trong lòng ngập tràn thương cảm. Một nỗi hồi hận mơ hồ lan ra trong sâu thẳm tâm tư. Nhớ lại ngày xưa, tiếng đàn anh tài hoa là thế! Khi ấy, có bao giờ tôi hình dung được rồi một ngày, mười ngón tay anh sẽ không còn tạo nổi những cung đàn, như điều đang xảy đến đêm nay?

Khi nhìn thấy tôi đứng chệnh chéch một góc nhà, tay phải cầm *archet*, tay trái cầm đàn, gục mặt mình vào đó, anh bỗng đứng lên, nói giữa mọi người:

“Anh xin lỗi em! Anh không thể đàn được nữa. Ngày xưa anh đã thua em nhiều thứ, nhưng ngày nay phải nói thật rằng anh còn thua em cả trên âm nhạc.”

Một giây bồi hồi phủ bao bàn rượu. Ngoài trời, tiếng mưa vẫn vang vang buồn bã. Tôi ngồi vào ghế, nhìn xuống đất. Trong ý nghĩ tôi khi ấy, lạ thay, lại chỉ xoay xoay hình ảnh Trần Nghi Hoàng.

Tháng 3/1996, Trần Nghi Hoàng bỏ ra đi. Tháng 4/1996, Trần Nghi Hoàng xin trở về và đã trở về thật vào đầu tháng 7. Tháng 11/1996, Trần Nghi Hoàng lại bỏ đi lần nữa, và mãi đến nay vẫn chưa cho thấy dấu hiệu của một sự “muốn xum vầy”. Hai lần đi của Trần Nghi Hoàng là hai lần làm trái tim tôi ê chề chán ngán. Nhiều đêm tôi mất ngủ và nhiều ngày tôi không cầm lên cây viết. Ngẫm suy cặn kẽ mọi khía cạnh trong cuộc tan vỡ, tôi nhận ra một điều vô cùng quan yếu: “*Tôi biết Trần Nghi Hoàng sẽ không viết được nữa khi trong đời sống không còn nhìn thấy tôi và Áu Cơ hiện hữu cạnh bên.*”

Tôi cúi đầu nói:

“Hôm qua trong cuộc trò chuyện tại Phi Nôm, em có nghe Mỹ Vân bảo: ‘*Phải nhận rằng cô là người đàn bà tàn nhẫn. Cô đi ra khỏi đời thầy Ngọc là đi thẳng luôn không một lần quay mặt.*’ Khi ấy em không tin điều ấy là đúng. Nhưng đêm nay em phải nhận mình quả là người đàn bà tàn nhẫn. Cái tàn nhẫn lớn nhất chính là vô tình mà làm chết đi nỗi tài hoa ghê gớm của anh hai mươi năm xưa bằng sự bỏ ra đi của em.”

Anh im lặng hồi lâu trước những lời của tôi. Mọi người cũng đều trong cách thế lặng yên ấy. Ngoài trời, tiếng mưa vẫn rơi rơi, buồn bã. Mãi sau, anh giơ tay ra giữa bàn rượu, giọng nghẹn ngào khàn đục:

“Xin các bạn cho tôi được nói riêng với Thu Vân điều này:

‘Đúng như câu hát, chỉ có em đi qua đời anh bằng những bước êm đềm như trong một giấc mơ huyền diệu. Hai mươi hai năm rồi, những khi em vắng mặt thì thôi, anh sống cuộc sống anh một cách tuyệt vọng; nhưng hễ bất cứ lần nào em hiện hữu tại Dalat, anh đều không sao kềm nổi sự dao động trong nội tâm riêng. Em có thể trách anh bất cứ điều gì, anh xin nhận hết. Nhưng có một điều, tội cho anh, em phải tin, trước sau đều là như thế: Anh vẫn yêu em trong mọi hoàn cảnh trải qua trong đời sống. Anh yêu em duy nhất, chẳng những nổi tài hoa, sự thông minh lịch lãm nơi em, mà còn vì anh biết rằng em đã yêu và hiểu anh hơn bất cứ ai trong cuộc đời này, dẫu không chối rằng em cũng là người đầu tiên và cuối cùng làm giầy vò được trái tim anh. Vì vậy, một tình yêu đáp trả là điều chiếm hữu anh nhiều nhất, cho dẫu ngày nay anh đã vĩnh viễn mất em. Những khi anh rơi xuống tận cùng đau khổ, em hiện ra bất ngờ như một phép lạ, đưa tay níu lấy anh, giúp anh ngoi lên từng chút. Không chỉ vật chất, mà phải nói rằng trong mọi cơn chết lòng tuyệt vọng, hình ảnh em chính là nguồn ánh sáng đưa dắt con người anh. Anh mang ơn em nhiều lắm, không riêng bây giờ hay từ năm năm trước em trở về Dalat, mà phải nói rằng, ngay từ khi mới đi vào đời em, anh đã mang ơn em.’”

Nơi anh, sự đau khổ tuôn tràn không kềm giữ. Trong tôi, nỗi ngậm ngùi chiếm hữu trái tim. Tôi nhìn anh, dáng vẻ rất gầy yếu, điệu vô cùng mệt mỏi. Tuy nhiên, từ anh toát ra một giá trị khiến tôi vị nê. Cái giá trị của một tình yêu kéo dài đã 22 năm đặng đặng. Đó là Cái Đẹp. Đó là Cuộc Sống. Cuộc Sống được đánh đổi bằng muôn vàn đau khổ trong suốt 22 năm quá khứ. Và Cái Đẹp ví như viên kim cương bị vùi lấp dưới muôn vàn đồ vật; khi được nhìn đến thì làn ánh sáng của nó vẫn tỏa ra rực rỡ, cho dù có bị phủ tràn bởi bao lớp bụi thời gian.

Anh miên man bày tỏ:

“Anh nói điều này, dẫu có làm em thương tổn, vẫn xin được nói:

‘Kể từ buổi khuya tháng 1/1993 em bỏ Dalat ra đi, anh rất mong gặp em lần nữa. Nhưng anh biết em không bao giờ còn quay lại. Anh vẫn âm thầm thềm muốn điều ấy. Và bây giờ em trở về thật, thì, trước điều này, anh phải cảm ơn tất cả mọi thứ, mọi người đã đem bước chân em trở lại...’”

Ánh mắt anh đượm nét ngần ngại:

“Nhưng trên hết anh xin cảm ơn anh Trần Nghi Hoàng’...”

Anh bỗng ngưng ngang, cầm lên cốc rượu, xong nói nhỏ:

“Nếu trong đời sống em không xảy ra sự vỡ tan như hiện tại, anh không bao giờ còn hy vọng gặp em.”

Tôi ngồi im nhìn anh, nhận thức rõ sự đau khổ trên anh. Ngoài trời, tiếng mưa vẫn rơi rơi, buồn bã.

Giọng anh cất lên tha thiết:

“Suốt hai mươi hai năm, trải qua nhiều hoàn cảnh, trong lòng anh lúc nào cũng ghi giữ bóng hình em. Những ngày qua em trở về Dalat, mang theo trên người sự mỏng manh cô đơn như lần đầu anh nhìn thấy tại Nautique. Cuộc đời em kết nên chỉ bằng nước mắt, nhưng trong cuộc tan vỡ với anh Trần Nghi Hoàng, anh biết em đã khóc thật nhiều. Bây giờ đôi mắt em vẫn đẹp nhưng chứa đầy u uất. Những ngày em hiện hữu tại đây, nhiều lần thấy em ngồi một mình, dáng dấp u trầm, anh tự nghe thật nhỏ bé trước nỗi cô đơn vời vọi đang bao trùm em khi ấy. Anh không dám làm kinh động giấc mơ nào em đang chìm đắm. Nhưng xin em hiểu, anh cũng chỉ là một người đàn ông bình thường, anh phải nói thật rằng, những khi ấy, anh chỉ muốn đến bên em, vuốt tóc em, vỗ về an ủi em như trong những ngày của hai mươi hai năm cũ. Anh muốn chia với em những khổ đau nào em đang gánh nhận. Anh cũng muốn ghi em vào lòng và nói lên với em biết bao niềm thương nhớ. Nhưng tất cả anh phải dần xuống. Anh không dám hành xử bất cứ điều gì có thể làm tổn thương danh dự em. Và giờ đây anh thẳng thắn nói lên một điều rằng, ‘*anh không bao giờ cảm nghe chút xấu hổ nào với anh Trần Nghi Hoàng*’. Anh rất kính trọng anh ấy. Lần em về Dalat năm 1993, nếu như không nhờ vào sự độ lượng của anh ấy, chẳng bao giờ anh còn dám mơ ước được dịp nhìn lại em.”

Tiếng nói anh trầm xuống:

“Duy đối với em, anh không lúc nào vui được lòng hối hận. Kể từ ngày 4/5/1975 em bỏ Dalat ra đi, đôi lần hiếm hoi gặp em, anh luôn nghĩ rằng đó là ***lần cuối***. Vì thế, trong lần năm 93, anh không dần được cảm xúc, nói hết với em những gì đè nặng trái tim anh từ nhiều năm qua. (Anh ngừng một chút) Xin em tha thứ cho anh điều ấy. Nhất là tha thứ cho anh tất cả những tan vỡ em đang gánh nhận trong đời sống hiện nay.”

Anh uống cạn cốc rượu, lại rót thêm cho mình cốc khác, và cười nhẹ:

“*Năm xưa, anh bị làm lần khi đòi hỏi nơi em vai trò làm vợ mà quên mất rằng em còn là một người nghệ sĩ. Tiếng đàn em là của đám đông chứ không chỉ riêng anh sở hữu. Vì vậy mà anh mất em.*”

Tôi chợt hiểu:

“Năm nay em là một nhà văn, những gì em viết ra là của chung độc giả...”

Anh la lên:

“Đúng! Câu chuyện Nhật Nguyệt I không còn phải của anh hay của em, mà là của chung thiên hạ. Tất cả những gì phơi bày thành chữ nghĩa nói lên một điều rất rõ ràng kỷ niệm giữa hai chúng mình không còn là của riêng chúng ta.”

Trong điệu nói anh, tôi nghe ra một nỗi đờn đau nào đó.

Anh tiếp:

“Ngày xưa, em không mơ anh đem cho em danh vọng tiền bạc, mà chỉ mơ một mảng trời riêng được cùng anh yên ổn. Ngày nay, 8 năm làm vợ anh Trần Nghi Hoàng, anh biết trong em cũng chỉ giữ niềm ước mơ đơn giản thế thôi. Vậy mà, cả anh lẫn anh Trần Nghi Hoàng, chẳng ai mang lại được cho em điều ấy.”

Anh cúi đầu, đưa hai bàn tay nín lấy những lọn tóc nơi trán:

“Giờ đây, anh không biết em đi tìm cái gì, hay chạy trốn cái gì, nhưng có một điều anh vẫn chú quan tin rằng nguyên nhân lôi kéo bước chân em trở về Dalat là vì anh hơn tất cả. Em muốn sẻ chia cùng anh những khổ đau đang gánh nhận. Tại sao có điều ấy? Bởi em biết rằng anh đã yêu và hiểu em ghê gớm trong hai mươi hai năm cũ và giờ đây vẫn quan tâm trên hết theo bất cứ niềm vui hay nỗi buồn nào của em.”

Anh thở dài :

“Vậy mà rồi anh chẳng làm gì được cho em trong những ngày em ở Dalat ngoài những bữa rượu quy tụ bạn bè, giúp em quên đi mọi niềm thống khổ. Muốn đời anh vẫn không thể nào bằng em trên mọi nỗi. Nhất là, theo với sự đờn đau cùng tột giai đoạn này, em vẫn chỉ vượt xa anh trong những chịu đựng riêng.”

Tôi ngẫm thật nhanh những lời anh nói và nhận thức với lòng rằng quả không sai là mấy. Càng trong cơn khốn cùng, con người lại càng có khuynh hướng muốn tìm về với kẻ khác. Nhưng tôi, người đàn bà rất kiêu hãnh trong những cơn mang sâu kín, khó lòng tìm ra trên đất Mỹ một người bạn hay người thân để cùng chia sẻ. Đôi khi, ở nơi xa xôi đó, nghĩ về Trần Nghi Hoàng, nghĩ về anh, tôi nghe lòng buồn rười rượi. Có điều tôi biết, chỉ mỗi anh trong hiện tại cuộc đời này là tôi muốn kể hết cho nghe mọi nỗi. Giờ đây anh không còn là của tôi như trong 22 năm cũ. Anh không chống đỡ được cụ thể giùm tôi những bề bàng định mệnh. *Nhưng thật, chỉ anh duy nhất mới thấm cảm sâu đậm bằng chính kinh nghiệm máu xương những gì tôi đang hứng chịu trong cuộc sống. Chỉ anh thôi, tôi biết, đã nghiêng mình trân trọng trước những thống khổ đã từ lâu và bây giờ vẫn còn đang đổ ập lên vai tôi.*

Ý nghĩ này lại nảy sinh thêm một ý nghĩ khác:

“Nếu như cuộc tan vỡ với Trần Nghi Hoàng không xảy ra, liệu rằng tôi có trở về Dalat **một mình** với Âu Cơ như hiện tại?”

Tôi khẳng định KHÔNG!

Thật thế, con người tôi không bạc và lý trí tôi không phải hèn kém. Tôi cũng không thuộc mầu đàn bà thác loạn tâm tư. Ngày nay trở về Dalat, gặp anh, trò chuyện, uống rượu, đối xử lịch sự như hai người bạn thiết, nhưng tôi không mang chút mặc cảm có tội nào với Trần Nghi Hoàng hay bất cứ ai. *Chính Trần Nghi Hoàng đã đẩy tôi đi xa khỏi vùng trời bảy năm tôi ôm ấp. Chính Trần Nghi Hoàng đã tàn nhẫn tước đoạt luôn của tôi sự chịu đựng trong hai năm qua tôi ngập mình trong thống khổ triền miên.*

Trên xứ Mỹ, cả tôi lẫn Trần Nghi Hoàng đều bị bủa vây quá nhiều bởi dư luận. Không cụ thể bày tỏ, nhưng phải nhận, Trần Nghi Hoàng đã bị cuốn hút vào vòng dư luận để ngày nay đưa đến cái kết quả cuối cùng là một đời sống vỡ tan. Mà dư luận vốn tàn ác. Đó cũng là điều đầu tiên tôi thật lòng khinh bỉ. Tôi không cho phép mình hồ đồ vương mắc vào nó. Trên tất cả, tôi nhận rõ được điều **“Tôi tự biết mình là ai?”**

*

**

Cuộc rượu tiếp tục cho đến 2 giờ rưỡi sáng, anh lên tiếng nhắc Tuất:

“Con gọi xe, xem người ta có y hẹn đến đón cô Thu Vân không?”

Tuất cười:

“Con sẽ làm ngay. Nhưng nếu xe không đến thì chính con sẽ đưa cô Thu Vân và em Âu Cơ về Nha Trang bằng *honda* riêng của mình.”

Tôi la lên:

“Hay đó! Cô rất thích đồ đèo bằng xe gắn máy. Hai mươi hai năm trước ở Dalat, cô vẫn mê điều ấy mà chưa một lần thực hiện được. Đêm nay, nếu Tuất làm thế cho cô, cô nói thật, cô thích ghê lắm. Đi! Minh hủy bỏ cái hẹn xe đò đi, xong Tuất chở cô và em bằng *honda* xuống đèo Ngoạn Mục.”

Tôi bắt gặp thật nhanh cái nhìn từ anh, đăm đăm buồn bã.

Tuất mau mắn đứng lên đến bên điện thoại. Hiệp và Dũng cùng đưa tay ra:

“Con cũng đi nữa. Xuống Nha Trang tắm biển một bữa, ngày mai bay về làm việc.”

Tiếng cười tôi vang cao:

“A! Cô xin đón tiếp tất cả mọi người tại nhà bà chị cô ở Nha Trang.”

Bỗng dưng, anh khoác áo lạnh vào người, đội chiếc mũ sắt lên đầu, nghiêm trang nói giữa bàn rượu:

“Tôi cũng đi nữa. Bốn chiếc xe đồ đèo một lúc. Nhưng trước khi đi, đề nghị tất cả chúng mình cùng ra Hòa Bình uống *café*.”

Tôi lạ lùng sững sốt. Anh đứng giữa nhà, dáng dấp cao lớn, vẻ cương quyết, lời nói chắc nịch. Hai mươi hai năm xưa và hai mươi hai năm sau, vật biến sao dời, mọi sự đổi thay gần trọn; vậy mà chỉ một

thoảng ngay lúc ấy, tôi mới bắt gặp lại đúng con người thật của anh mà tôi từng nhìn thấy trong thuở ngày xưa.

Cả bọn rời nhà. Khi ấy là 3 giờ sáng.

Phố khuya lạnh lẽo, mọi sinh hoạt đang còn chìm lắng. Hàng quán vẫn say ngủ. Trời sương dày đặc, các ngọn đèn đường rũ bóng đơn côi.

Nơi đầu dốc Minh Mạng chỉ hiện diện mỗi chiếc quán cóc với những cái ghế thấp lè tè bao quanh một tấm gỗ dùng làm bàn. Đằng sau chiếc bàn đặt một quang gánh, bên phải là lò lửa than đỏ rực có ấm nước đang sôi trên đó; bên trái, một khay thúng đầy những ly tách, đường, sữa, *café*. Nơi đầu gánh có treo vài ba gói mì sợi. Quán được dựng kê sát ngay một mái vách đang đóng cửa ngủ đêm của một tiệm bán hàng.

Bọn chúng tôi 7 người, thêm vài anh tài xế chạy xe lôi ngồi bao chung quanh chiếc bàn thấp hình chữ nhật. Mùi *café* xông lên thơm ngát. Tất cả đều rút cổ vào trong áo khoác. Các điều thuốc cháy sáng, hơi khói mờ tản mát mông lung.

Ngồi nhìn bao quát khắp cả khu phố khuya, tôi nghe lan man trong mình một cảm giác vô cùng thân mật. Những tháng ngày xưa của cái thời giang hồ cũ bỗng như thức giấc. Tâm tư chùng hẫng trong một nỗi ngầy ngất rất bất thường. Có lúc tôi thấy ngạc nhiên pha lẫn mừng rỡ với ý nghĩ không ngờ rằng ngày nay mình còn có thể rung động vì một không gian như thế. Điều này, tôi thấy giống như sự đền bù một cách bất ngờ của Thượng Đế. Quả thật, nước Mỹ với biết bao khó khăn vật chất phải đổi đầu hằng ngày đã chẳng thể tước đoạt của tôi trọn vẹn sự rung động tha thiết tha. Cuộc hôn nhân gập ghềnh trắc trắc suốt 7 năm cũng chẳng diệt đi được giữa trái tim tôi những đợt dao xúc cảm. Tôi vẫn còn sở hữu những cá chất nào từ ngày xưa rất bé tôi từng nhiều năm un đúc. Một đêm huyền hoặc giữa trời khuya Dalat tìm gặp lại chính là như thế trong tôi.

Tiếng nói anh vang lên, đánh thức tôi khỏi những mơ màng riêng lẻ:

“Bây giờ anh xin em làm cho anh điều này, sau đó, nếu em có bảo anh đi đến tận đâu, anh cũng không ngần ngại...”

Tôi và bạn bè chờ câu nói tiếp. Anh cười:

“Em kéo *violon* giữa trời Dalat cho anh nghe!”

Tôi bật kêu:

“Tại sao không?”

Thế là chiếc hộp đàn từ tay anh Triệu Trung Tiên được mở ra. Tôi đứng sau lưng đám bạn và những người tài xế xe ôm, trước cái lò lửa đỏ và trong mùi *café* thơm ngát, cất lên lần nữa hai bản nhạc *Người Đi Qua Đồi Tôi* và *Nửa Hồn Thương Đau* tha thiết. Trời Dalat đầy

suong, mờ ảo. Tiếng *violon* vang cao giữa làn gió khuya lạnh giá. Anh và bạn hữu, luôn cô chủ quán và những người khách xa lạ, ngồi lặng yên trong tiếng đàn trầm. Trên đường, vài chiếc xe đồ đang trở tới, tìm đón khách đi Nha Trang, Sài Gòn, cũng dừng hẳn ngay đầu bùng binh, trước chiếc quán. Tất cả mọi thứ chung quanh dường như cùng góp tay tạo nên trong tôi một niềm rung cảm ngất ngậy.

Dứt câu nhạc cuối, tôi trả đàn cho anh Tiên, ngồi xuống cạnh, nghe anh nói nhỏ:

“Anh cảm ơn em đã đem cho anh những kỷ niệm không thể nào quên, từ ngày xưa cho tới tận ngày nay.”

Một người tài xế xe thô đưa ra nhận định:

“Cô đàn bản gì mà nghe buồn quá!”

Tôi thốt vui mừng vì lời nhận xét ấy. Đây cũng là một may mắn tôi còn nắm giữ. Hai bản nhạc rất nổi tiếng trong thời cũ, vậy mà ngày nay, trước những người khách xa lạ sống trong chế độ mới, chẳng ai biết đến, tại sao họ vẫn nhận thức ra cái âm điệu buồn bã của nó? Phải chăng từ giọng đàn tôi đã tạo nên điều ấy? Sự rung cảm của tâm hồn tôi đã chuyển đạt và làm rung cảm một cách vô tình những trái tim chẳng biết gì lai lịch hai bản nhạc kia.

Tôi hỏi cô chủ quán độ ngoài ba mươi tuổi:

“Cái quán này mở cửa từ mấy giờ?”

Cô đáp:

“12 khuya em ra hàng và đến 5 giờ sáng thì đẹp.”

Tôi kêu lên:

“Y hết một kiếu quán dưới Âm Phủ! Nhưng tại sao lại chọn giờ ấy?”

Cô hạ giọng:

“Chỉ giờ ấy *mấy ông* đi ngủ, hàng quán cũng đóng cửa hết, em mới có thể ngồi bán tự nhiên”.

Khi đó, có một chiếc xe công an từ phía Bờ Hồ chạy đến. Cô chủ quán vội vã rời gánh, nhặt những chiếc ghế nhựa rải rác chung quanh chất thành một đồng cao. Vừa làm việc này một cách nhanh nhẹn, cô vừa nói với đám chúng tôi:

“Các anh chị cứ ngồi uống. Em đẹp mấy cái ghế này kéo thôi *mấy ông* tới làm phiền. Minh phải làm ra vẻ sợ thì *mấy ông* mới để yên cho.”

Chiếc xe đảo nhiều vòng khắp khu Hòa Bình xong mất hút trên con đường Nguyễn Trường Tộ. Tôi hỏi cô chủ quán:

“Có phải đêm nào *mấy ông* cũng đi tuần như vậy?”

Cô lắc đầu:

“Không đâu! Chỉ đặc biệt đêm nay *mấy ông* chạy qua chạy lại nhiều lần suốt từ tối đến giờ. Nhưng chị bết sao không? Ngay xế xế chỗ chị ngồi kia kìa (vừa nói, cô vừa giơ tay chỉ về hướng tôi), đêm

qua có một cậu ngoài hai mươi tuổi bị một đám đánh chết tại chỗ xong bỏ chạy hết. Vì vậy đêm nay mấy ông đi rảo để tìm tui nó.”

Tôi thốt rùng mình quay nhìn cái góc cô vừa chỉ. Cô giải thích tiếp:

“Cậu đó ở Sài Gòn lên, đang đứng lựa mua một tấm thiệp thì có một nhóm thanh niên Dalat cũng đến mua; hai bên tranh nhau sao đó rồi sinh ra ẩu đả. Cậu ta bị đánh hội đồng, đang tìm đường bỏ chạy. Ai ngờ trong đám kia có một đứa bay tới một gánh rau, rút cây đòn gánh rượt theo phang vào gáy cậu. Cậu ngã ra chết tức thì. Nghe nói công an đã bắt được một tên ở ấp Ánh Sáng sáng nay, bây giờ quần đi quần lại để bắt hết mấy tên còn lại.”

Tôi nhỏ giọng:

“Té ra Dalat bây giờ không còn êm đềm như ngày cũ? Vậy ngôi đây mỗi đêm, em có sợ không?”

Cô cười vô tư:

“Trước, mới ra hàng, em cũng sợ lắm, nhưng nhìn mãi đâm quen. Đây nè, cũng cách đây chừng hơn một tháng, có một vụ đánh nhau dữ dội mà nạn nhân là em trai một người bạn em, đi chơi khuya, lém phéng làm sao bị tui nó chém, bay phăng đi mất bàn tay phải.”

“Thật sao?”

“Thật!”, cô gật. “Bàn tay cậu bắn hẳn ra xa. Đưa vào nhà thương, người ta rập gân lại, lâu cũng liền thịt, nhìn thì không ai biết, nhưng bàn tay trở nên vô dụng, néo vào chẳng thấy đau.”

Cô thản nhiên giơ tay lên búi mái tóc:

“Bây giờ Dalat cũng loạn lắm, vậy mà vẫn không bằng một góc của Sài Gòn!”

4 giờ sáng, bốn chiếc xe cùng đồ đạc xuôi Nha Trang. Đây là những kỷ niệm rất đẹp, một lúc nào thật nhanh tôi và bạn bè cùng bắt chộp. (Tôi nghĩ đến chàng Goldmund trong tác phẩm *Narziss & Goldmund* của Hesse. Sự trùng giống nào đó giữa tôi và chàng nhân vật ấy quả tình có thật. Một thứ “*femme fatale*” như năm xưa Nguyễn từng nhận xét. Chỉ tôi mới đủ khả năng điều động và tạo thành những kỷ niệm hãn hữu như hiện tại đêm nay đang có. Tôi tự biết thế. ***Một loại khả năng Thượng Đế chỉ phú cho những con người mang cái tâm hồn phiêu bạt như tôi (như Goldmund) mới được sở hữu mà thôi.***

(Trần Thị Bông Giấy
Dalat, mùa nghỉ hè 1997 với Âu Cơ)

□